

ĐẶC ĐIỂM VỀ MỨC ĐỘ CHỦ ĐỘNG TRONG VIỆC SỬ DỤNG CÁC PHÁT NGÔN CỦA TRẺ TỰ KỈ 4 - 5 TUỔI

NGUYỄN THỊ GIANG¹

PHẠM HIỀN²

Abstract: Autism spectrum disorder (ASD) is becoming a special concern for the modern society due to recent increase in the number and impacts of this syndrome. Therefore, studies on children with ASD in general and the language of children with ASD in particular is necessary. In this paper, we survey the number of utterances of 5 autistic children aged from 4 to 5. Data are analyzed in terms of the degrees of proactiveness, including mummering, echolalia/imitating, reminding and proactive utterances. In addition, we also assess the development progress of types of utterances of autistic children according to their degrees of proactiveness to clarify the language competency and the characteristics of the language of autistic children in this period.

Key words: *Autistic children, echolalia, language of autistic children.*

1. Mở đầu

Hiện nay, theo nghiên cứu của tổ chức Y tế thế giới (WHO) cứ 160 trẻ có một trẻ mắc rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK). Theo thống kê của Trung tâm phòng chống và kiểm soát bệnh dịch Hoa Kỳ (CDC): tỉ lệ trẻ bị RLPTK đang ngày càng tăng, cứ 68 trẻ thì có một trẻ có dấu hiệu RLPTK [6]; Năm 2010, chính phủ Anh công bố số lượng trẻ tự kỉ ở nước này là 1/86 trẻ, đến năm 2013 con số này tăng lên là 1/58 trẻ [11, tr.12]; Tại Việt Nam, hiện nay chưa có số liệu chính thức về số lượng trẻ tự kỉ nhưng theo số liệu của bệnh viện Nhi Trung ương, số trẻ được chẩn đoán tự kỉ trong các năm gần đây cũng ngày càng tăng lên: năm 2008 có 450 trẻ; năm 2009 có 963 trẻ; năm 2010 có 1792 trẻ; năm 2018 có 5058 trẻ [13].

Việc nghiên cứu ngôn ngữ của trẻ tự kỉ, đặc biệt là nghiên cứu về mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ ở các nước nói tiếng Anh đã xuất hiện một số công trình trong thập niên gần đây (xem [12], [14], [15]); trong khi đó, ở Việt Nam hầu như chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về vấn đề này. Do vậy, trong bài viết này, chúng tôi thực hiện khảo sát đặc điểm về mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ trong giai đoạn 4 - 5 tuổi. Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng để đánh giá khả năng ngôn ngữ của trẻ cũng như có thể làm tư liệu để lập kế hoạch cá nhân trong trị liệu ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ

Trong nghiên cứu phát triển tâm lí và ngôn ngữ trẻ em, các nhà nghiên cứu thường phân biệt các hành vi chủ động (proactive) và hành vi hồi ứng (reactive) của trẻ trong một bối cảnh hay ngữ cảnh

^{1,2} Viện Ngôn ngữ học.

nhất định. Tính chủ động miêu tả một tình huống hay một quá trình trong đó người tham gia nắm bắt và kiểm soát tình hình bằng cách khởi tạo thay vì chờ đợi để phản ứng sau khi nó xảy ra.

Từ khái niệm trên, trong bài viết này, chúng tôi phân loại các phát ngôn theo mức độ chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ của trẻ tự kỉ thành 4 loại, đó là: phát ngôn nói nhảm, phát ngôn nói theo, phát ngôn cần nhắc nhở và phát ngôn chủ động. Đây là những phát ngôn xuất hiện rất phổ biến trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ.

Phát ngôn nói nhảm là loại phát ngôn mà trẻ nói ra nhưng không có ý nghĩa, nội dung và đối tượng giao tiếp rõ ràng. Thông thường, khi sử dụng loại phát ngôn này trẻ không tự chủ được mình đang nói gì. Đây là loại phát ngôn có mức độ chủ động thấp nhất trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ.

Phát ngôn nói theo là loại phát ngôn mà trẻ nói theo người khác trong khi giao tiếp. Đây là hoạt động ngôn ngữ của trẻ khi mới tập nói hoặc khi trẻ chưa thể tự chủ động nói phát ngôn dài, lúc này người lớn nói trước và trẻ sẽ nói theo sau. Đây là loại phát ngôn có mức độ chủ động thấp thứ hai sau phát ngôn nói nhảm trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ.

Phát ngôn cần nhắc nhở là loại phát ngôn mà trẻ cần có sự nhắc nhở của người khác mới có thể sử dụng được trong giao tiếp. Phát ngôn cần nhắc nhở là phát ngôn xuất hiện khi đứa trẻ chưa có khả năng tự sử dụng một cách chủ động trong giao tiếp mà cần có sự nhắc nhở của người khác. Đây là loại phát ngôn có mức độ chủ động tương đối (chỉ đứng sau phát ngôn chủ động) trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ.

Phát ngôn chủ động là phát ngôn mà trẻ sử dụng ngôn ngữ một cách có kiểm soát nhằm đạt được mục đích giao tiếp của mình. Đây là loại phát ngôn mà trẻ tự kỉ hoàn toàn tự mình sử dụng trong bối cảnh giao tiếp cụ thể.

2.2. Quá trình phát triển các mức độ chủ động trong ngôn ngữ của trẻ bình thường

Đối với trẻ bình thường, giai đoạn ngôn ngữ chủ động thấp nhất là giai đoạn trẻ sử dụng những “tiếng bập bẹ”. Theo tác giả Nguyễn Huy Cận: “tiếng bập bẹ của trẻ xuất hiện trước hết là hậu quả của hành vi đói, đòi ăn của trẻ... thoát đầu các tiếng bập bẹ cũng chỉ là một hành vi hỗn hợp, và hòa lẫn với các cử chỉ khác của đứa trẻ” [2, tr.47-48]. Trẻ bình thường cũng phát ra những âm bập bẹ “khi chơi một mình”, giải thích cho điều này, tác giả Nguyễn Huy Cận cho rằng vì “trẻ tỏ ra thận trọng hơn khi phát ra các âm, vì nó biết rằng, những tiếng phát ra sẽ có những tác dụng khác nhau với những người xung quanh” [2, tr.50].

Chúng tôi chưa dám khẳng định liệu những phát ngôn nói nhảm ở trẻ tự kỉ có được coi là những âm bập bẹ ở trẻ bình thường hay không? Vì những âm bập bẹ ở trẻ bình thường đã có mục đích giao tiếp (khi trẻ đói hoặc trẻ cần đáp ứng nhu cầu nào đó); Còn đối với trẻ tự kỉ chúng tôi chưa chắc chắn liệu trẻ đã ý thức được vấn đề như trẻ bình thường hay không hay đó chỉ là những âm vô nghĩa hoàn toàn. Trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi chưa có thời gian để nghiên cứu kĩ hiện tượng này.

Trẻ bình thường hình thành những âm bập bẹ khá sớm “khoảng từ 9 tháng tuổi” [2, tr.46]; Còn những phát ngôn nói nhảm ở trẻ tự kỉ có thời gian xuất hiện khác nhau tùy thuộc vào từng trẻ. Đối với trẻ bình thường, những âm bập bẹ sẽ mất đi nhanh chóng khi trẻ có vốn từ phù hợp để chủ động trong giao tiếp; Còn đối với trẻ tự kỉ, phát ngôn nói nhảm có thể mất đi khi trẻ có ngôn ngữ nói hoặc cũng có thể sẽ kéo dài cả đời (đối với những người không có ngôn ngữ nói hoặc có ngôn ngữ nói nhưng vốn từ rất ít).

3. Phương pháp nghiên cứu và nghiệm viên

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để có được số liệu về các phát ngôn của trẻ tự kỉ giai đoạn từ 4 đến 5 tuổi phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn trong giao tiếp, chúng tôi sử dụng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu như sau:

Phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn: Thông qua việc quan sát trẻ trong những giờ học nhóm, trong những hoạt động trên lớp và trong những giờ học cá nhân của trẻ, chúng tôi ghi chép đầy đủ những phát ngôn mà trẻ nói được theo trình tự thời gian; Để có được những phát ngôn trẻ sử dụng tại gia đình và trường mầm non, chúng tôi thực hiện phỏng vấn người chăm sóc trẻ (ông, bà, bố, mẹ...) và giáo viên dạy tại trường mầm non của trẻ.

Thủ pháp miêu tả, thống kê, phân tích, tổng hợp: Sau khi có được những phát ngôn của trẻ, chúng tôi phân loại những phát ngôn này theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ (nói nhảm, nói theo, cần nhắc nhở, chủ động). Đồng thời chúng tôi cũng phân tích, đánh giá và đưa ra nhận xét về số lượng và tỉ lệ từng loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ.

3.2. Nghiệm viên

Nghiệm viên của chúng tôi trong bài viết này là 5 trẻ tự kỉ (4 - 5 tuổi) đã được can thiệp tại Trung tâm Giảng dạy và Trị liệu Ngôn ngữ (Viện Ngôn ngữ học) và Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Tâm lí và Giáo dục An Bình (Hà Nội). Năm trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát (được mã hóa là T01, T02, T03, T04, T05) có 4 trẻ sinh năm 2014 và 1 trẻ sinh năm 2015 (3 trẻ nam và 2 trẻ nữ); trong đó T01 và T05 có mức độ tự kỉ nặng, T02 và T04 có mức độ tự kỉ trung bình, T03 có mức độ tự kỉ nhẹ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm về số lượng phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi

Sau khi khảo sát chúng tôi có bảng số liệu về số lượng và tỉ lệ về mức độ chủ động trong việc sử dụng phát ngôn của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi như sau:

Bảng 1: Số lượng phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi

	Số lượng phát ngôn phân theo mức độ chủ động									
	48 tháng					60 tháng				
Trẻ	Nói nhảm	Nói theo	Cần nhắc nhở	Chủ động	Tổng	Nói nhảm	Nói theo	Cần nhắc nhở	Chủ động	Tổng
T01	2	19	13	4	38	2	38	37	71	148
T02	0	21	32	33	86	0	21	86	105	212
T03	3	0	25	511	539	3	0	114	565	682
T04	3	1	12	82	98	3	62	46	191	302
T05	3	3	4	7	17	3	7	20	86	116
Tổng	11	44	86	637	778	11	128	303	1018	1460

Bảng 2: Tỷ lệ các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi

Trẻ	Tỷ lệ phát ngôn (%) phân theo mức độ chủ động									
	48 tháng					60 tháng				
	Nói nhảm	Nói theo	Cần nhắc nhở	Chủ động	Tổng	Nói nhảm	Nói theo	Cần nhắc nhở	Chủ động	Tổng
T01	5,26	50	34,21	10,53	100	1,35	25,68	25	47,97	100
T02	0	24,42	37,21	38,37	100	0	9,90	40,57	49,53	100
T03	0,55	0	4,64	94,81	100	0,44	0	16,72	82,84	100
T04	3,06	1,02	12,25	83,67	100	0,99	20,53	15,23	63,25	100
T05	17,65	17,65	23,53	41,17	100	2,59	6,03	17,24	74,14	100
Tổng	1,41	5,66	11,05	81,88	100	0,75	8,77	20,75	69,73	100

Nhìn vào hai bảng số liệu trên chúng ta thấy: Khi 4 tuổi (48 tháng) tất cả 5 trẻ chúng tôi khảo sát đều có ngôn ngữ nói và ngôn ngữ nói của trẻ khá chủ động; số lượng phát ngôn chủ động của 5 trẻ là 637 phát ngôn (chiếm 81,88%); khi 5 tuổi, tổng số phát ngôn chủ động của 5 trẻ là 1.018 phát ngôn (chiếm 69,73%). Đứng số lượng lớn thứ hai sau phát ngôn chủ động là phát ngôn cần nhắc nhở. Khi 4 tuổi, tổng số phát ngôn cần nhắc nhở của 5 trẻ là 86 phát ngôn (chiếm 11,05%); khi 5 tuổi tổng số phát ngôn loại này của 5 trẻ là 303 phát ngôn (chiếm 20,75%). Đứng thứ ba sau phát ngôn chủ động, cần nhắc nhở là phát ngôn nói theo. Khi 4 tuổi, tổng số phát ngôn nói theo của 5 trẻ là 44 phát ngôn (chiếm 5,66%); khi 5 tuổi tổng số phát ngôn nói theo của trẻ là 128 phát ngôn (chiếm 8,77%). Chiếm số lượng thấp nhất và không đáng kể trong các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ của 5 trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát là phát ngôn nói nhảm. Khi 4 tuổi, tổng số phát ngôn nói nhảm của 5 trẻ tự kỉ là 11 phát ngôn (chiếm 1,41%); khi 5 tuổi tổng số phát ngôn loại này của 5 trẻ vẫn là 11 phát ngôn (chiếm 0,75%).

Đúng như các nhà chuyên môn đã nhận định: mỗi trẻ tự kỉ là một cá thể riêng lẻ, không trẻ nào giống trẻ nào, mỗi trẻ có những thế mạnh và điểm yếu khác nhau... Qua thực tế nghiên cứu về mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ chúng tôi cũng thấy rõ điều đó. Đa phần trẻ tự kỉ đều có hiện tượng nói nhảm, nhưng vẫn có những trường hợp trẻ không có bất kì phát ngôn nói nhảm nào. Trong 5 trẻ chúng tôi khảo sát thì T02 là trẻ thuộc trường hợp như vậy. Khi bắt đầu có ngôn ngữ nói là khi trẻ nói theo. Lúc đầu trẻ nói theo những phát ngôn bằng tiếng Anh khi xem ti vi, sau đó, khi được sự can thiệp của giáo viên trẻ đã nói theo bằng tiếng Việt.

Trong 5 trẻ chúng tôi khảo sát thì T03 mặc dù có phát ngôn nói nhảm nhưng lại không có phát ngôn nói theo. T03 cũng có đặc điểm riêng trong quá trình phát triển ngôn ngữ. Với T03, khi trẻ nghe được âm thanh ngôn ngữ nào đó trẻ sẽ không nói theo ngay mà trẻ có quá trình “tích lũy”, “thẩm thấu”... và sau đó chủ động sử dụng. Khi đi học can thiệp tại trung tâm, giáo viên đưa ra phát ngôn yêu cầu trẻ nói theo, khi đó trẻ chỉ nói theo 1 đến 2 lần là có thể chủ động hoặc chỉ cần nhắc nhở trẻ trong quá trình sử dụng phát ngôn đó trong giao tiếp.

Tất cả 5 trẻ chúng tôi khảo sát đều trải qua giai đoạn phải sử dụng những phát ngôn cần nhắc nhở. Vì đặc tính của trẻ tự kỉ là mất tập trung, lơ đãng... nên trong quá trình giao tiếp trẻ vẫn cần có sự nhắc nhở của người lớn. Khi 4 tuổi, T03 là trẻ có tỷ lệ phát ngôn cần nhắc nhở thấp nhất trong 5 trẻ (chiếm 4,64% tổng số các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động). Sang đến giai đoạn 5 tuổi, xét về mặt số lượng, T03 là trẻ có số lượng phát ngôn cần nhắc nhở nhiều nhất (114 phát ngôn), nhưng xét về tỷ

lệ lại đứng thứ 2 sau T04 (T03 chiếm 16,72%; T04 chiếm 15,23%). Những trẻ khác (T01, T02 và T05) khi 4 tuổi có phát ngôn cần nhắc nhở khá đồng đều (chiếm từ 23,53% đến 37,21%). Sang đến giai đoạn 5 tuổi tỉ lệ phát ngôn loại này đã có sự biến động đáng kể. Khi 4 tuổi, tỉ lệ phát ngôn cần nhắc nhở của T01 chiếm 34,21%, khi 5 tuổi phát ngôn loại này giảm xuống còn 25%; Khi 4 tuổi tỉ lệ phát ngôn cần nhắc nhở của T02 chiếm 37,21%, khi 5 tuổi phát ngôn loại này của T02 tăng lên 40,57%; Khi 4 tuổi T03 có tỉ lệ phát ngôn cần nhắc nhở chiếm 4,64%, khi 5 tuổi tăng lên 16,72%; Khi 4 tuổi T04 có phát ngôn cần nhắc nhở chiếm 12,25%, khi 5 tuổi tăng lên 15,23%; Khi 4 tuổi, tỉ lệ phát ngôn cần nhắc nhở của T05 là 23,53%, khi 5 tuổi tỉ lệ phát ngôn loại này giảm xuống còn 17,24%.

Xét về tổng thể thì phát ngôn chủ động là loại phát ngôn có số lượng và tỉ lệ cao nhất trong các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ trong giai đoạn này. Nhưng xét cụ thể với từng trẻ thì lại có sự khác nhau trong từng giai đoạn.

Đối với T01, khi 4 tuổi, phát ngôn chủ động của trẻ chỉ có 4 phát ngôn (chiếm 10,53%), thấp hơn phát ngôn nói theo (19 phát ngôn, chiếm 50%) và phát ngôn cần nhắc nhở (13 phát ngôn, chiếm 34,21%). Sang đến giai đoạn 5 tuổi, phát ngôn chủ động lại là phát ngôn chiếm số lượng và tỉ lệ cao nhất trong tổng số các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động của trẻ. Phát ngôn chủ động của T01 khi 5 tuổi là 71 phát ngôn (chiếm 47,97%).

Với T02, phát ngôn chủ động có số lượng và tỉ lệ cao nhất trong tổng số các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động. Nhưng giữa phát ngôn chủ động và phát ngôn nhắc nhở của trẻ không có sự chênh lệch nhiều. Khi 4 tuổi, số lượng phát ngôn nhắc nhở của T02 là 32 phát ngôn (chiếm 37,21%); số lượng phát ngôn chủ động chỉ hơn phát ngôn nhắc nhở 1 phát ngôn (chiếm 38,37%). Khi 5 tuổi, số lượng phát ngôn nhắc nhở của trẻ là 86 phát ngôn (chiếm 40,57%); số lượng phát ngôn chủ động của trẻ là 105 phát ngôn (chiếm 49,53%).

T03 là trẻ có phát ngôn chủ động chiếm số lượng và tỉ lệ vượt trội trong tổng số các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động. Khi 4 tuổi, phát ngôn chủ động của trẻ là 511 phát ngôn, chiếm 94,81%, khi 5 tuổi phát ngôn chủ động của trẻ là 565 phát ngôn, chiếm 82,84%.

Tương tự như T03, T04 cũng có hiện tượng giai đoạn sau (giai đoạn trẻ 5 tuổi) tỉ lệ phát ngôn chủ động lại giảm so với giai đoạn trước (giai đoạn 4 tuổi). Khi 4 tuổi, tỉ lệ phát ngôn chủ động của trẻ chiếm 83,67%, sang đến giai đoạn 5 tuổi, tỉ lệ phát ngôn loại này chỉ còn 63,25%.

T05 lại có hiện tượng giống T01 và T02 khi tỉ lệ phát ngôn chủ động của trẻ ở giai đoạn sau tăng lên so với giai đoạn trước. Khi trẻ 4 tuổi, tỉ lệ phát ngôn chủ động chiếm 41,17%, khi trẻ 5 tuổi phát ngôn chủ động tăng lên 74,14%.

Như vậy, đối với phát ngôn chủ động của trẻ, có sự khác biệt về tỉ lệ phát ngôn loại này trong 2 giai đoạn. T01, T02 và T05 có sự tăng lên về tỉ lệ phát ngôn chủ động ở giai đoạn sau so với giai đoạn trước. Trong khi đó T03 và T04 lại có sự sụt giảm về tỉ lệ phát ngôn chủ động so với giai đoạn trước.

Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do: T01 và T05 là trẻ mắc RLPTK nặng. Khi 3 tuổi, khả năng ngôn ngữ của trẻ chỉ tương đương với trẻ bình thường khoảng 10 tháng tuổi. Khi 4 tuổi xét về mặt số lượng từ của trẻ chỉ tương đương với trẻ bình thường khoảng 1,5 tuổi. Khi 5 tuổi, xét về mặt số lượng từ cũng như cấu trúc phát ngôn của 2 trẻ cũng chỉ tương đương với trẻ bình thường trong giai đoạn từ 1,5 đến 2 tuổi. Còn T02 tuy là trẻ mắc RLPTK ở mức độ trung bình nhưng khả năng ngôn ngữ của trẻ khi 3 tuổi cũng chỉ tương đương với trẻ bình thường 1,5 tuổi. Khi 4 tuổi xét về mặt số lượng từ

của trẻ cũng chỉ tương đương với trẻ bình thường 20 tháng tuổi. Khi 5 tuổi xét về mặt số lượng từ cũng như cấu trúc trong phát ngôn của trẻ tương đương với trẻ bình thường khoảng 2 tuổi.

Như vậy, đối với những trẻ này, trong giai đoạn từ 4 đến 5 tuổi trẻ đang bắt đầu bứt phá từ giai đoạn nói theo đến cần nhắc nhở và chuyển sang giai đoạn chủ động. Do vậy, tỉ lệ phát ngôn chủ động của trẻ ngày càng tăng.

Trong khi đó T03 là trẻ mắc RLPTK ở mức độ nhẹ. Khi 3 tuổi khả năng ngôn ngữ của trẻ tương đương với trẻ bình thường 2,5 tuổi. Khi 4 tuổi xét về mặt số lượng từ của trẻ tương đương với trẻ bình thường khoảng 3,5 tuổi. Khi 5 tuổi, xét về mặt số lượng từ cũng như cấu trúc phát ngôn của trẻ tương đương với trẻ bình thường trong giai đoạn 3 - 4 tuổi. Với T04, tuy trẻ mắc RLPTK ở mức độ trung bình nhưng khả năng ngôn ngữ của trẻ cũng có sự vượt trội hơn so với T01, T02 và T05. Khi 3 tuổi khả năng ngôn ngữ của trẻ tương đương với trẻ bình thường từ 1,5 - 2 tuổi. Khi 4 tuổi, xét về mặt số lượng từ của trẻ tương đương với trẻ bình thường khoảng 2 tuổi. Khi 5 tuổi xét về mặt số lượng từ và cấu trúc phát ngôn của trẻ tương đương với trẻ bình thường từ 2 - 2,5 tuổi.

Như vậy, đây là giai đoạn T03 và T04 bắt đầu học những phát ngôn khó hơn, với số lượng âm tiết nhiều hơn, lúc này trẻ phải học nói các phát ngôn có ý nghĩa phức tạp (giải thích lí do, mục đích của sự vật hiện tượng...). Do vậy, lúc này ngôn ngữ của trẻ bộc lộ những khó khăn nhất định. Vì thế, với những phát ngôn dạng này trẻ phải bắt đầu bằng việc nói theo giáo viên hoặc phải đợi giáo viên hoặc người khác nhắc nhở, gợi ý trẻ mới có thể sử dụng được. Do đó, những phát ngôn chủ động của trẻ trong giai đoạn này (5 tuổi) có sự sụt giảm về tỉ lệ so với giai đoạn trước (giai đoạn 4 tuổi).

4.2. Quá trình phát triển các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi

Cũng giống trẻ bình thường, những âm đầu tiên mà trẻ tự kỉ bật ra là những “tiếng bập bẹ” như: *măm măm, bà bà, pa pa, ma ma, ba ba, pà pà, xì xì, ta ta...* Tuy vậy, những âm bập bẹ ở trẻ tự kỉ không có ý nghĩa, mục đích giao tiếp rõ ràng như ở trẻ bình thường nên chúng tôi xếp những phát ngôn này thuộc nhóm phát ngôn nói nhảm. Năm trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát đều là những trẻ có ngôn ngữ nói nên giai đoạn trẻ sử dụng những phát ngôn nói nhảm không quá dài, chúng thường mất đi khi trẻ có những âm cụ thể hoặc trẻ vẫn dùng những âm này nhưng có ý nghĩa giao tiếp rõ ràng.

T01 xuất hiện phát ngôn nói nhảm *măm măm, bà bà* khi gần 36 tháng tuổi. Theo gia đình thì trong năm đầu tiên trẻ vẫn có một số phản ứng giao tiếp tương đối bình thường, nhưng càng lớn lên trẻ càng mất dần khả năng tương tác và giao tiếp. Khi trẻ bắt đầu bật được những âm này thì gia đình nghĩ rằng trẻ đã bắt đầu có ngôn ngữ nói (*măm măm* nghĩa là đòi ăn; *bà bà* là gọi bà). Nhưng trẻ chỉ nói những từ này khi chơi một mình (như một cách học phát âm), không có chức năng giao tiếp cụ thể.

T04 và T05 cũng có quá trình xuất hiện các phát ngôn nói nhảm giống T01. Riêng T02 chúng tôi không hề thấy gia đình nói là trẻ xuất hiện các phát ngôn loại này mà trẻ xuất hiện những âm có nghĩa luôn. T02 rất thích tiếng Anh, nên những âm đầu tiên của trẻ là những âm trong các bài hát bằng tiếng Anh, sau đó là số đếm và bảng chữ cái, thậm chí là nói một số từ bằng tiếng Anh... Trong bài viết này, chúng tôi chỉ quan tâm đến vốn từ tiếng Việt của trẻ nên chúng tôi không thống kê những phát ngôn bằng tiếng Anh của trẻ.

T03 có phát ngôn nói nhảm khá sớm so với những trẻ tự kỉ khác (khi trẻ khoảng 1,5 tuổi). Và từ khi xuất hiện những phát ngôn nói nhảm này đến khi trẻ có ngôn ngữ nói cũng không quá dài (khoảng 1 năm).

Sau thời kì trẻ có những phát ngôn nói nhảm (thời kì này thường gia đình chưa phát hiện trẻ bị RLPTK nên chưa đưa trẻ đi khám và can thiệp) là thời kì trẻ bắt đầu học những từ có nghĩa. Vì trẻ tự kỉ rất khó tự bắt chước ngôn ngữ của người lớn để giao tiếp nên vốn từ mà trẻ có được hầu như do giáo viên cung cấp trong quá trình can thiệp cho trẻ. Trong 5 trẻ chúng tôi khảo sát chỉ có T03 là trẻ tự kỉ nhẹ, trẻ đến trung tâm can thiệp khi vốn từ của trẻ khá lớn và trẻ cũng đi học mầm non bình thường (chỉ đến trung tâm can thiệp theo giờ) nên vốn từ của trẻ khá phong phú.

T01, T02, T04 và T05 bắt đầu xuất hiện các từ có nghĩa từ khoảng cuối 3 tuổi, đầu 4 tuổi. Riêng T03 xuất hiện các từ có nghĩa từ khi trẻ 2,5 tuổi. Do vậy, đến 3 tuổi trẻ đã có vốn từ khá lớn (163 từ). Trong khi đó những trẻ khác thường mới có số lượng từ ít (dưới 10 từ).

Cũng giống như trẻ bình thường, những từ có ý nghĩa đầu tiên mà trẻ có được là những từ khi trẻ có nhu cầu nào đó. Đây cũng là những từ mà giáo viên và gia đình cung cấp cho trẻ đầu tiên. Những từ đầu tiên có ý nghĩa của trẻ là *à, xin* hoặc *măm măm, ăn*,... Thông thường, đối với trẻ tự kỉ sau giai đoạn trẻ nói nhảm là giai đoạn trẻ bắt đầu nói theo. Qua thực tế khảo sát 5 trẻ tự kỉ, chúng tôi thấy phát ngôn nói theo của trẻ phát triển trong giai đoạn đầu khi trẻ bắt đầu có ngôn ngữ nói, cụ thể với từng trẻ như sau:

T01 bắt đầu nói theo khi 37 tháng tuổi và trẻ chỉ có ngôn ngữ nói theo cho đến tận 41 tháng tuổi. Giai đoạn này, trẻ nói theo các từ thể hiện nhu cầu của mình (*à, xin*), tiếng kêu của con vật (*ún ún, ồ ồ*), những phát ngôn chỉ người thân trong gia đình (*bố, mẹ, ông, bà*), hoạt động trong khi chơi (*lăn*).

Bắt đầu từ tháng thứ 41, T01 đã có phát ngôn cần nhắc nhở. Phát ngôn cần nhắc nhở đầu tiên của T01 là *zê* khi giáo viên chỉ cần nói *ồ* trong phát ngôn khuyến khích trẻ khi hoàn thành nhiệm vụ *ồ zê*. Những tháng tiếp theo (từ tháng 41 đến tháng 49) bên cạnh những phát ngôn nói theo thì số lượng phát ngôn cần nhắc nhở đã tăng dần và kết thúc vào tháng thứ 50 cho đến khi trẻ bắt đầu học nói những phát ngôn 3 âm tiết vào tháng thứ 55. Trong thời gian trên, một số phát ngôn chủ động của trẻ cũng đã xuất hiện. Phát ngôn chủ động của T01 xuất hiện vào tháng thứ 46 với những từ lấy chỉ hoạt động của một số con vật (*boi boi, bay bay*) hay tiếng kêu của con vật (*cạp cạp*), dần dần là những phát ngôn chỉ những con vật (*con tôm, con cua, con ốc*) và số đếm (*1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10*), hay tên của một số loại quả (*quả táo, quả nho, quả chuối*)... Bắt đầu từ tháng thứ 55, giáo viên đã đặt ra mục tiêu cần nâng cao khả năng ngôn ngữ cho trẻ bằng cách yêu cầu trẻ phải nói được những phát ngôn có từ 3 đến 4 âm tiết, lúc này trẻ quay trở lại thực hiện những phát ngôn này bằng cách nói theo (*mắt để nhìn; mũi để ngửi; tay để cầm; thả đồng xu; con xin cô ạ; con chào cô ạ*). Đây chính là tiến trình phát triển chung về ngôn ngữ của T01. Với những phát ngôn mới, lúc đầu trẻ sẽ ở giai đoạn nói theo rồi đến cần nhắc nhở và khi quen dần trẻ sẽ chủ động sử dụng những phát ngôn này trong giao tiếp. Do vậy, với những trẻ như T01 thì ở những tháng sau đó trẻ vẫn sử dụng các phát ngôn với các mức độ sử dụng đan xen từ nói theo, cần nhắc nhở đến chủ động. Ví dụ, đến tháng thứ 60, (khi trẻ đã 5 tuổi) với những phát ngôn khó hơn trẻ vẫn phải nói theo giáo viên (*đôi tất để đi; bàn chải để đánh răng; máy vi tính để làm việc; bếp ga để nấu ăn*) bên cạnh những phát ngôn cần nhắc nhở (*quần để mặc*) và những phát ngôn chủ động (*chuột túi, con báo, con cáo*).

Với T02, trẻ không có giai đoạn nói nhảm mà trẻ sử dụng các phát ngôn một cách đan xen các mức độ từ khi gần 3 tuổi. Trong giai đoạn này, trẻ vừa có phát ngôn nói theo (*bai*), vừa có phát ngôn cần nhắc nhở (*zê, à, ầm*) và phát ngôn chủ động (*1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10*). T02 cũng có phát ngôn nói theo khi bắt đầu được can thiệp tại trung tâm. Những phát ngôn nói theo đầu tiên của trẻ khi được

can thiệp là phát ngôn thể hiện nhu cầu (*xin*), phát ngôn chỉ bản thân trẻ và người xung quanh (*con, cô*), phát ngôn chỉ bộ phận cơ thể (*tai, tay, chân*). Trong giai đoạn từ 36 đến 48 tháng, T02 vẫn duy trì cả ba mức độ sử dụng các phát ngôn từ nói theo, cần nhắc nhở đến chủ động. Với những phát ngôn mới và khó, lúc đầu trẻ sẽ nói theo sau đó giảm dần mức độ phụ thuộc và chuyển sang giai đoạn chủ động. Từ tháng thứ 49 trở đi, T02 hoàn toàn kết thúc giai đoạn nói theo. Lúc này trẻ chỉ còn sử dụng các phát ngôn ở hai mức độ là cần nhắc nhở và chủ động. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu quá trình phát triển ngôn ngữ của trẻ sang một giai đoạn mới.

T03 là trẻ mắc RLPTK nhẹ nên khả năng ngôn ngữ của trẻ khá tốt so với 4 trẻ còn lại. Ngoài 3 phát ngôn nói nhằm xuất hiện từ rất sớm thì sau đó trẻ không có phát ngôn nói theo nào. Ngay từ khi có ngôn ngữ nói, trẻ chỉ sử dụng hai mức độ phát ngôn là cần nhắc nhở và chủ động. Số lượng phát ngôn cần nhắc nhở cũng không nhiều. Trong giai đoạn dưới 36 tháng, phát ngôn cần nhắc nhở của trẻ là phát ngôn chỉ nhu cầu (*xin*), phát ngôn chào hỏi (*chào bác, chào chị, chào chú, chào bà ạ*), phát ngôn gọi (*cô Q ơi*). Trong giai đoạn từ 37 đến 48 tháng, T03 có 19 phát ngôn cần nhắc nhở, đó là những phát ngôn chào hỏi - hô đáp và xin lỗi (*con chào mẹ ạ; con chào ba ạ; con chào bà ạ; con chào chú ạ; dạ, vâng ạ, con xin lỗi,...*).

Sang giai đoạn 5 tuổi (49 đến 60 tháng), các phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng ngôn ngữ của T03 có sự đan xen giữa phát ngôn cần nhắc nhở và phát ngôn chủ động. Phát ngôn cần nhắc nhở trong giai đoạn này là những phát ngôn mới với nội dung phức tạp hơn hoặc đó là những phát ngôn có số lượng âm tiết nhiều hơn (*vứt rác vào thùng rác là đúng, vứt lung tung ra ngoài là sai; bức tranh này vẽ bông hoa hướng dương và con ong; mùa đông con phải đi tất cho ấm chân; đây là Văn Miếu Quốc Tử Giám; cô muốn mua gạo cô phải ra cửa hàng bán gạo...*).

Quá trình phát triển các mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của T04 khá giống với T03. T04 chỉ có 3 phát ngôn nói nhằm trong giai đoạn từ 0 đến 36 tháng. Sau đó, trẻ có sự đan xen giữa các mức độ từ nói theo, cần nhắc nhở đến chủ động. T04 gặp khó khăn khi phát âm các phát ngôn dài, do vậy, khi giáo viên nâng độ khó của bài học, yêu cầu trẻ sử dụng phát ngôn có nhiều âm tiết hơn thì lúc đầu trẻ phải nói theo giáo viên, sau đó tăng dần ở mức độ cần nhắc nhở rồi chủ động. Vì thế, trong thời gian đầu mới can thiệp, trẻ đã chủ động sử dụng được những phát ngôn có từ 1 đến 2 âm tiết, giai đoạn này kéo dài từ tháng thứ 36 đến tháng thứ 44. Vào tháng thứ 44, giáo viên yêu cầu trẻ sử dụng phát ngôn nhiều hơn 2 âm tiết, lúc này trẻ phải quay lại giai đoạn bắt đầu nói theo trong phát ngôn thể hiện nhu cầu của mình (*con xin cô ạ*). Sau đó, với những phát ngôn có nội dung phức tạp và phát ngôn có số lượng âm tiết vừa phải (dưới 4 âm tiết) trẻ chỉ cần nhắc nhở (*hình vuông, giáo viên, xe cứu thương, chân để đi...*). Giai đoạn này kéo dài từ tháng thứ 44 đến tháng thứ 50 khi giáo viên yêu cầu trẻ sử dụng phát ngôn có số lượng âm tiết nhiều hơn (từ 4 âm tiết trở lên). Lúc này trẻ quay lại giai đoạn nói theo cho đến tận 60 tháng tuổi (*con chó trông nhà, cô lấy đồ chơi, con chào các cô ạ, con xin lỗi cô, con cảm ơn cô, cái bảng ở phía trước, mặt trăng xuất hiện vào ban đêm, xe cảnh sát để đuổi bắt tội phạm...*).

T05 có số lượng phát ngôn nói theo không nhiều. Tổng số phát ngôn nói theo của trẻ khi 60 tháng có 7 phát ngôn. Đó là phát ngôn chỉ tiếng kêu của con vật và phương tiện giao thông (*cạc cạc, gâu gâu, píp píp*) khi trẻ 41 và 42 tháng tuổi. Từ những tháng sau đó (tháng thứ 42 đến tháng thứ 59), T05 không có phát ngôn nói theo nào. Trong giai đoạn này trẻ chỉ có phát ngôn cần nhắc nhở và phát ngôn chủ động. Đến tháng thứ 60 trẻ có thêm 4 phát ngôn nói theo, đây là những phát ngôn có nội dung

phức tạp và là phát ngôn có số lượng âm tiết nhiều hơn: *trời mưa có sấm, trời mưa có chớp, ban ngày trời sáng, ban đêm trời tối.*

Tổng số phát ngôn cần nhắc nhở của T05 là 20 phát ngôn. Trong những tháng đầu can thiệp (từ tháng 37 đến 40), tất cả những phát ngôn trẻ có được đều là những phát ngôn cần có sự nhắc nhở của giáo viên (*a, bà, măm măm*), sau đó khi trẻ đã có những phát ngôn chủ động thì phát ngôn cần nhắc nhở chỉ là những phát ngôn có tính chất trêu tượng: đó là những phát ngôn chỉ màu sắc, hình dáng hay thời tiết (*màu xanh, màu đỏ, màu hồng, màu vàng, to, nhỏ, mưa, nắng*); những phát ngôn hô gọi, chào hỏi - hỏi đáp (*dạ, chào, bai bai*); những phát ngôn có số lượng âm tiết nhiều hơn (*miệng để ăn, tai để nghe, mắt để nhìn, mũi để ngửi*).

5. Một vài kiến nghị

Như chúng ta đã biết, việc can thiệp cho trẻ tự kỉ nói chung, trong đó có vấn đề ngôn ngữ là một quá trình gian nan, vất vả, cần có sự kết hợp của tổng hòa các nhân tố. Thông qua việc khảo sát đặc điểm về mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn trong giao tiếp của trẻ tự kỉ, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, để có thể can thiệp trẻ tự kỉ một cách khoa học và đúng đắn thì giáo viên, phụ huynh và những người làm việc với trẻ tự kỉ cần nắm được quá trình phát triển ngôn ngữ ở trẻ bình thường cũng như trẻ tự kỉ để từ đó có kế hoạch can thiệp về ngôn ngữ cho từng trẻ một cách phù hợp.

Thứ hai, trước khi can thiệp về ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ, các chuyên gia, giáo viên và phụ huynh có con tự kỉ cần đánh giá đúng khả năng ngôn ngữ của trẻ trong tương quan so sánh với trẻ bình thường để thấy được điểm mạnh và điểm yếu trong ngôn ngữ của trẻ. Từ đó mới có thể đưa ra kế hoạch, mục tiêu phù hợp nhằm trị liệu về ngôn ngữ cho trẻ.

Thứ ba, trong quá trình trị liệu ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ, cụ thể là về mặt sử dụng các phát ngôn một cách chủ động, giáo viên can thiệp cho trẻ cần bám sát khả năng sử dụng các phát ngôn ở trẻ để từ đó nâng dần mức độ chủ động cho trẻ.

Thứ tư, giáo viên can thiệp cho trẻ tự kỉ nói chung trong đó có mặt ngôn ngữ cần kiên trì nhắc đi nhắc lại giúp trẻ ngày càng sử dụng các phát ngôn một cách chủ động.

Thứ năm, để kết quả trị liệu ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ đạt kết quả cao cần có thêm những nghiên cứu sâu hơn về ngôn ngữ của trẻ tự kỉ như các vấn đề về vốn từ, đặc điểm về nghĩa trong vốn từ vựng của trẻ tự kỉ... để các trường, các trung tâm can thiệp có tư liệu khoa học trong quá trình can thiệp cho trẻ tự kỉ.

6. Kết luận

Như vậy, qua thực tế khảo sát đặc điểm về mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn trong giao tiếp của trẻ tự kỉ 4 - 5 tuổi, cụ thể là đặc điểm về số lượng phát ngôn cũng như quá trình phát triển các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong việc sử dụng các phát ngôn của trẻ chúng tôi thấy rằng:

Tất cả 5 trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát đều có ngôn ngữ nói và ngôn ngữ nói của trẻ khá chủ động. Trong 4 mức độ phân theo mức độ chủ động trong giao tiếp của trẻ tự kỉ (nói nhằm, nói theo, cần nhắc nhở, chủ động) thì phát ngôn chủ động là phát ngôn có số lượng và tỉ lệ lớn nhất trong các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động. Tiếp theo là phát ngôn cần nhắc nhở, rồi đến phát ngôn nói theo. Chiếm số lượng thấp nhất và không đáng kể trong các loại phát ngôn phân theo mức độ chủ động trong

việc sử dụng các phát ngôn của 5 trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát là phát ngôn nói nhảm.

Năm trẻ tự kỉ chúng tôi khảo sát đều là những trẻ có ngôn ngữ nói nên giai đoạn trẻ sử dụng những phát ngôn nói nhảm không quá dài và chúng thường mất đi khi trẻ có ngôn ngữ nói. Phát ngôn nói theo trong ngôn ngữ của trẻ tự kỉ thường xuất hiện và phát triển trong giai đoạn đầu khi trẻ bắt đầu có ngôn ngữ nói và khi trẻ chưa có khả năng phát âm những phát ngôn có nhiều âm tiết. Với những phát ngôn mới, lúc đầu trẻ sẽ ở giai đoạn nói theo rồi đến cần nhắc nhở và khi quen dần trẻ sẽ chủ động sử dụng những phát ngôn này trong giao tiếp. Đây có thể coi là quy luật phát triển ngôn ngữ của trẻ tự kỉ. Vì thế, phụ huynh, giáo viên và các chuyên gia làm việc trong lĩnh vực này cần nắm được những nguyên tắc này để giúp trẻ ngày càng cải thiện khả năng ngôn ngữ của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban, *Ứng dụng cách nhìn dụng học vào việc giải thích một số yếu tố có mặt trong câu - phát ngôn*, Ngôn ngữ, Số 7, tr.17-20, 2001.
2. Nguyễn Huy Cận, *Từ hoạt động đến ngôn ngữ trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
3. Trần Văn Công, Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Ti lệ trẻ rối loạn phổ tự kỉ: Những con số thống kê*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa Giáo dục, ISSN 2354 - 1075, Số 62, 2017.
4. Nguyễn Thị Hương Giang, *Nghiên cứu phát hiện sớm tự kỉ bằng M-Chat 23, đặc điểm dịch tễ - lâm sàng và can thiệp sớm phục hồi chức năng cho trẻ nhỏ tự kỉ*, Luận án Tiến sĩ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội, 2012.
5. Phạm Hiền và cộng sự, *Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá ngôn ngữ cho trẻ từ sơ sinh đến 36 tháng tuổi*, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học, 2018.
6. Ki yếu hội thảo khoa học *Chương trình dạy kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non có RLPTK - Bài học kinh nghiệm ở Việt Nam và trên thế giới*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2017.
7. Lưu Thị Lan, *Những bước phát triển ngôn ngữ trẻ em từ 1 đến 6 tuổi (trên tư liệu ngôn ngữ trẻ em ở nội thành Hà Nội)*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học ngữ văn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996.
8. Nguyễn Thị Thanh, *Biện pháp phát triển kĩ năng giao tiếp cho trẻ tự kỉ 3 - 4 tuổi*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014.
9. Đào Thu Thủy, *Điều chỉnh hành vi ngôn ngữ cho trẻ tự kỉ 3 - 6 tuổi dựa vào bài tập chức năng*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015.
10. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2004.
11. Nguyễn Hoàng Yên, *Tự kỉ, những vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013.

Tiếng Anh

12. Lord C., Risi S., Lambrecht L., et al, *The autism diagnostic observation schedule-generic: A standard measure of social and communication deficits associated with the spectrum of autism*, Journal of Autism and Developmental Disorders, 30, p.205-223, 2000.
13. Maenner M.J., Shaw K.A., Bakian A.V., et al., *Prevalence and characteristics of autism spectrum disorder among children aged 8 years - Autism and developmental disabilities monitoring network*, 11 Sites, United States, 2018. MMWR Surveill Summ 2021; 70(No. SS-11), p.1-16.
14. Mergl, M., & Azoni, C.A., *Echolalia's types in children with autism spectrum disorder*, Revista Cefac, 17, p.2072-2080, 2015.
15. Van Santen, J.P., Sproat, R.W., & Hill, A.P., *Quantifying repetitive speech in autism spectrum disorders and language impairment*, Autism research: official journal of the International Society for Autism Research, 6(5), p.372-383, 2013, <https://doi.org/10.1002/aur.1301>